|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  aa | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  aa |
| Số: 735/BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP**

**và tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2019**

*(Tài liệu phục vụ Phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 01 năm 2019)*

aa

Căn cứ chương trình Phiên họp thường kỳ tháng 01 của Chính phủ, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2019 như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2019 CỦA CHÍNH PHỦ**

Năm 2019 được xác định là năm bứt phá để hoàn thành thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Ngay từ ngày đầu năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 với phương châm "Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả".

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019, các bộ, ngành, địa phương trong tháng đã tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc, tập trung giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư và dự toán NSNN; đề ra chương trình hành động triển khai thực hiện kế hoạch. Tính đến hết ngày 24 tháng 01 năm 2019, hầu hết các bộ, ngành trung ương và địa phương đã tổ chức các hội nghị triển khai công tác năm 2019, nhấn mạnh việc quyết tâm, phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, trong đó: có 22 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ[[1]](#footnote-1) và 48/63 địa phương[[2]](#footnote-2) đã ban hành chương trình, kế hoạch hành động, văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

*(Chi tiết tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ xin xem Phụ lục 2 kèm theo)*

Trong tháng, cùng với việc tập trung triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP và phân giao kế hoạch đầu tư công năm 2019, các bộ ngành, địa phương đã quan tâm, chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện cho nhân dân đón Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Lễ hội Xuân năm 2019 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm theo tinh thần Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo đó nhiều hành động có ý nghĩa thiết thực đối với người có công, người nghèo, nhân dân vùng bị thiên tai, vùng khó khăn, được đông đảo các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tạo bầu không khí ấm áp, sẻ chia trong toàn xã hội, trở thành động lực hứng khởi cho người dân và doanh nghiệp hăng hái sản xuất, kinh doanh, tác động tích cực tới phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tình hình kinh tế - xã hội trong tháng 01 năm 2019 tiếp tục có những diễn biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, việc điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ kết hợp chặt chẽ với kỷ luật, kỷ cương tài khóa và đồng bộ các chính sách khác tiếp tục phát huy hiệu quả, thị trường tiền tệ, tỷ giá, ngoại hối ổn định, thanh khoản tốt, mặt bằng lãi suất ổn định. Tình hình sản xuất kinh doanh các khu vực chủ yếu của nền kinh tế trong tháng diễn biến tích cực, trong đó khu vực dịch vụ diễn ra sôi động trong dịp Tết Dương lịch và cận Tết Nguyên đán, điển hình là dịch vụ bán buôn bán lẻ, vận tải; khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao; tổng cầu và sức mua tăng nhanh. Thu hút và giải ngân vốn FDI tăng cao so cùng kỳ. Hoạt động phát triển doanh nghiệp tiếp tục có chuyển biến, quy mô doanh nghiệp đăng ký mới tăng cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Các lĩnh vực thể thao, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện, nổi bật trong tháng, đội tuyển bóng đá Việt Nam đã xuất sắc lọt vào Top 8 đội mạnh nhất tại giải vô địch bóng đá châu Á, nhận được nhiều sự quan tâm, cổ vũ của đông đảo các tầng lớp nhân dân và sự chú ý của cộng đồng quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế đạt được bước tiến mới, quan trọng. Hiệp định CPTPP đã chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019, kỳ vọng tạo nhiều cơ hội và không gian mới cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới. Ngày 18/01/2019, vệ tinh MicroDragon của Việt Nam đã tách thành công khỏi tên lửa Epsilon số 4 của Nhật Bản, đi vào quỹ đạo, bắt đầu làm việc trong không gian. Việc chế tạo và phóng thành công vệ tinh MicroDragon có ý nghĩa rất lớn, mở ra thời kỳ phát triển cho ngành vũ trụ Việt Nam, làm nền tảng quan trọng để phát triển công nghệ vũ trụ trong tương lai.

Vấn đề đáng chú ý trong tháng là, tình hình thời tiết, khí hậu vẫn rét đậm, nếu tiếp tục kéo dài có thể ảnh hưởng xấu tới sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi trâu bò; xuất khẩu trong tháng giảm so với cùng kỳ, nhập siêu trở lại. Tình hình trật tự, an toàn giao thông trong tháng diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt liên tiếp xẩy ra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, chủ yếu do tình trạng lạm dụng rượu bia, chất kích thích trong dịp cận Tết Nguyên đán và những bất cập trong công tác đào tạo lái xe, quản lý vận hành xe cơ giới; đòi hỏi các cấp, các ngành cần tập trung quan tâm, có những chỉ đạo quyết liệt hơn nữa để kịp thời ngăn ngừa tai nạn giao thông nhất là trong dịp cao điểm Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Lễ hội Xuân năm 2019 sắp tới.

**II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC THÁNG 01 NĂM 2019**

**1. Về tình hình kinh tế vĩ mô**

*a) Về chỉ số giá tiêu dùng*

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2019 tăng 0,1% so với tháng 12/2018 và tăng 2,56% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ tăng 2,65%). Hầu hết các nhóm hàng hóa, dịch vụ chính đều tăng so với tháng trước[[3]](#footnote-3), trong đó một số nhóm hàng hóa tăng cao do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán, gồm: đồ uống và thuốc lá tăng 0,69%[[4]](#footnote-4); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,66% (lương thực tăng 0,52%[[5]](#footnote-5); thực phẩm tăng 0,85%[[6]](#footnote-6)); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,39%. Riêng hai nhóm có CPI giảm, gồm: Giao thông giảm nhiềm nhất 3,04% do ảnh hưởng của đợt giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 1/1/2019 cùng với việc sử dụng quỹ bình ổn xăng, dầu tại kỳ điều hành ngày 16/1/2019 làm CPI xăng, dầu giảm 6,98%[[7]](#footnote-7); bưu chính viễn thông giảm 0,09%.

Chỉ số giá vàng tháng 1/2019 tăng 2,25% so với tháng 12/2018 và tăng 0,13% so với cùng kỳ năm 2018. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 1/2019 giảm 0,4% so với tháng 12/2018 và tăng 2,32% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản tháng 1/2019 tăng 0,3% so với tháng 12/2018 và tăng 1,83% so với cùng kỳ năm trước.

*b) Về thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán*

Điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt theo tín hiệu thị trường, phù hợp với cung cầu ngoại tệ, đảm bảo thị trường ngoại hối hoạt động hiệu quả, thông suốt, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán. Trong tháng 01/2019, vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng có thiếu hụt tạm thời do đây là tháng giáp Tết Nguyên đán, nhu cầu thanh toán, chi tiêu của tổ chức kinh tế, dân cư tăng cao. Để ổn định thị trường tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã tăng khối lượng chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở ở mức phù hợp để hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng; nhờ đó, số dư tiền gửi bằng VNĐ của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước được đảm bảo.

Thị trường tiền tệ, tín dụng tương đối ổn định. Đến cuối năm 2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 11,67%, huy động vốn tăng 11,95%, tín dụng đối với nền kinh tế tăng khoảng 13,93% so với cuối năm 2017.Mặt bằng lãi suất tiếp tục ổn định[[8]](#footnote-8). Thanh khoản thị trường diễn ra bình thường, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ kịp thời. Tỷ giá trung tâm có xu hướng tăng nhẹ, đến ngày 24/01/2019, tỷ giá trung tâm ở mức 22.880 (tỷ giá sàn 22.193 VND/USD và mức tỷ giá trần 23.566 VND/USD), tăng 55 VND/USD (+ 0,24%) so với cuối năm 2018. Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng chủ yếu giao dịch quanh mức giá mua của ngân hàng nhà nước (23.200 VND/USD), không biến động nhiều so với cuối năm 2018; Tỷ giá niêm yết của các ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương ở mức 23.155/23.245 VND/USD, không đổi so với cuối năm 2018.

Trong tháng 01/2019, giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng quốc tế, tuy nhiên trong biên độ hẹp hơn. Đầu tháng 01/2019, giá vàng bình quân trong nước được giao dịch quanh mức 36,43/36,55 triệu đồng/lượng, sau đó tăng theo giá vàng quốc tế. Đến sáng ngày 24/01/2019, giá vàng trong nước giao dịch ở mức 36,4/36,6 triệu đồng/lượng. Chênh lệch giữa giá vàng miếng SJC và giá vàng quốc tế hiện ở mức khoảng 600 nghìn đồng/lượng.

Về thị trường chứng khoán, tính đến ngày 28/01, chỉ số VN-Index đạt 912,18 điểm, tăng 2,2% so với cuối tháng trước, tăng 2,2% so với cuối năm 2018 và chỉ số HNX-Index đạt 102,31 điểm, giảm 1,8% so với cuối tháng trước, giảm 1,8% so với cuối năm 2018. Mức vốn hóa thị trường đạt 4,08 triệu tỷ đồng, tăng 3% so với cuối năm 2018, tương đương 73,7% GDP.

*c) Về thu, chi ngân sách nhà nước*

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước tháng 01/2019 ước đạt 144,6 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 10,2% dự toán năm, trong đó: thu nội địa ước đạt 120,5 nghìn tỷ đồng, bằng 10,3% dự toán, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2018; thu từ dầu thô ước đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 10,1%, tăng 5,7%; thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 28,5 nghìn tỷ đồng, bằng 9,5%, tăng 13,2%. Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước ước đạt 92,9 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 5,7% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển, do đang trong quá trình phân bổ, thông báo kế hoạch vốn đầu tư cho các chủ đầu tư, nên tiến độ chi đạt thấp, khoảng 0,6% dự toán năm.

*d) Về đầu tư phát triển*

*- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước* trong tháng ước tính đạt 18.031 tỷ đồng, bằng 5,56% kế hoạch năm và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 bằng 4,7% và tăng 17%).

Giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương tháng 01/2019 (tính đến hết ngày 31/01/2019) là 2.461,602 tỷ đồng, đạt 0,5% kế hoạch Quốc hội giao và đạt 0,69% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó toàn bộ số vốn giải ngân là vốn cân đối ngân sách địa phương. Nguyên nhân giải ngân chậm do tháng 01/2019 vẫn trong thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 nên các bộ, ngành trung ương và địa phương tập trung hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành của kế hoạch vốn năm 2018 được giao; đồng thời triển khai, phân giao kế hoạch vốn năm 2019 và nhập dự toán cho các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS); căn cứ kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phân bổ, các chủ đầu tư mới triển khai các thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các gói thầu, việc tạm ứng và thanh toán trong tháng còn hạn chế.

*- Vốn đầu tư nước ngoài:* Tính đến ngày 20/01/2019, tổng vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài ước đạt 1,9 tỷ USD, tăng 51,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, có có 226 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký là 805 triệu USD, tăng 81,9%; có 72 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm khoảng 340 triệu USD, bằng 74,5% so với cùng kỳ năm 2018 và 489 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 360 triệu USD, tăng 54,7%. Giải ngân vốn FDI đạt khoảng 1,55 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó, các lĩnh vực sản xuất vẫn thu hút được nhiều sự quan tâm nhất của các nhà đầu tư, đứng đầu là công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm tỷ trọng 62,4% tổng số vốn đăng ký); lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đứng thứ hai (chiếm 9,7%); lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ ba (chiếm 9,3%). Về đối tác đầu tư, trong tháng 01/2019 có 51 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam; trong đó dẫn đầu là Nhật Bản (tổng vốn đầu tư gần 364 triệu USD, chiếm 19% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là Hàn Quốc (349,1 triệu USD, chiếm 18,3%); Trung Quốc (307,8 triệu USD, chiếm 16,1%)[[9]](#footnote-9)…

Về đầu tư ra nước ngoài, trong tháng tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt 1,25 triệu USD. Về đăng ký mới, có 04 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài với tổng giá trị khoảng 1,05 triệu USD, trong đó có 02 dự án thuộc lĩnh vực bán buôn bán lẻ (600 nghìn USD), chiếm 47,9% tổng vốn đầu tư; 02 dự án còn lại thuộc lĩnh vực hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ và thông tin và truyền thông. Các nước nhận đầu tư của Việt Nam trong tháng là Singapore, Phần Lan, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Về điều chỉnh, trong tháng có 01 dự án điều chỉnh với vốn đầu tư tăng thêm là 200 nghìn USD.

- Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Tính đến ngày 25/01/2019, không ký kết thêm khoản vay mới nào; giá trị giải ngân trong tháng ước đạt khoảng 79 triệu USD, bằng 87,7% so với mức giải ngân cùng kỳ năm trước.

**2. Về tình hình sản xuất, kinh doanh**

*a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:*

- Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng hoa màu trên cả nước và thu hoạch cây vụ đông Miền Bắc. Tính đến trung tuần tháng 01, cả nước gieo cấy được 1.908,7 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó: tại các địa phương phía Bắc, tiến độ gieo trồng lúa đông xuân cao hơn cùng kỳ do thời tiết thuận lợi hơn; tại các địa phương phía Nam, tiến độ xuống giống lúa đông xuân tương đương cùng kỳ. Hiện nay, những diện tích lúa đông xuân đã xuống giống đang sinh trưởng và phát triển ổn định, trong đó gần 70 nghìn ha lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch, bằng 94,6% so với cùng kỳ năm 2018. Cũng đến trung tuần tháng 01, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 156,2 nghìn ha ngô, bằng 101,9% cùng kỳ năm trước; 39,7 nghìn ha khoai lang, bằng 96,8%; 7,2 nghìn ha đậu tương, bằng 109,1%; 24,7 nghìn ha lạc, bằng 92,5%; 356,7 nghìn ha rau, đậu, bằng 101,8%.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng không thuận lợi do thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài. Trước diễn biến phức tạp của thời tiết, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương đều vào cuộc, vận động nhân dân phòng chống rét cho gia súc như: không thả rông gia súc, vệ sinh chuồng trại, đốt lửa sưởi ấm, che chắn chồng trại, dự trữ, bổ sung thức ăn,.... nhờ đó đã hạn chế số gia súc bị chết rét. Đàn trâu cả nước ước tháng 01/2019 giảm 2,9% so cùng kỳ năm trước; đàn bò tăng 2,8%.

Nguồn cung thịt lợn đảm bảo nhu cầu thị trường tiêu thụ trong tháng giáp Tết, mặc dù giá thịt lợn hơi có tăng nhẹ so với tháng trước. Ước tính đàn lợn tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, dịch lở mồm long móng đang phát sinh tại một số tỉnh, các địa phương đang có dịch bệnh cần xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để ổ dịch mới phát sinh. Đối với các địa phương chưa có dịch cần phòng dịch và phát hiện sớm khi lợn có triệu chứng, đồng thời cần kiểm soát chặt và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển gia súc, sản phẩm gia súc ra khỏi vùng có dịch. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cần cập nhật thông tin, tuyên truyền liên tục để người chăn nuôi biết và chủ động hợp tác trong phòng, chống dịch bệnh.

Chăn nuôi gia cầm trong tháng phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Hiện nay các cơ sở chăn nuôi đang tập trung chăm sóc đàn vật nuôi để sẵn sàng đảm bảo nguồn cung phục vụ thị trường Tết Nguyên đán. Đàn gia cầm của cả nước tháng 01 ước tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

*- Lâm nghiệp*, sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, chuẩn bị giống cây phục vụ cho trồng cây phân tán và trồng rừng theo kế hoạch 2019. Các địa phương trong tháng đang tập trung chuẩn bị giống cây trồng phục vụ cho công tác trồng cây Tết xuân Kỷ Hợi; tiến độ trồng rừng chậm, tính chung cả nước, diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 6.330 ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Công tác quản lý bảo vệ rừng được thực hiện sát sao, các ngành chức năng đã phối hợp với các địa phương, chủ rừng tăng cường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và kịp thời xử lý tình trạng phá rừng, cháy rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển, sử dụng lâm sản và động vật hoang dã có nguồn gốc trái phép. Trong tháng cả nước có 19,06 ha rừng bị thiệt hại, trong đó diện tích rừng bị cháy là 0,3 ha; diện tích bị chặt phá là 18,76 ha.

*- Thủy sản*, tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 498 nghìn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 232,2 nghìn tấn, tăng 3,6%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 265,8 nghìn tấn, tăng 5%.

Nhu cầu thu mua tôm phục vụ xuất khẩu giảm nhịp độ, chờ vụ tôm mới; nhu cầu tiêu thụ tại thị trường nội địa tăng phục vụ Tết Nguyên Đán. Giá tôm nhìn chung tăng nhẹ so với tháng trước. Sản lượng tôm sú ước tính đạt 13,3 nghìn tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng ước tính đạt 17,5 nghìn tấn, tăng 8% do người nuôi tận dụng ao trong những tháng cuối năm 2018 thả nuôi phục vụ nhu cầu Tết Nguyên đán.

Thời tiết biển những ngày đầu tháng không được thuận lợi do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và không khí lạnh; sau đó, thời tiết tương đối thuận lợi, ngư dân tích cực hoạt động, phục vụ nhu cầu Tết Nguyên Đán. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước tính đạt 251 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

*b) Sản xuất công nghiệp*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP)[[10]](#footnote-10) tháng 1/2019ước tính giảm 3,2% so với tháng 12/2018; so với cùng kỳ năm 2018, tăng 7,9% thấp hơn mức tăng 22,1% của cùng kỳ năm trước do Tết Nguyên đán năm nay vào đầu tháng Hai nên các doanh nghiệp tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết từ tháng 12/2018; trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 10,1% (cùng kỳ tăng 23,8%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,8% (cùng kỳ tăng 15,4%); ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,4% (cùng kỳ tăng 6,8%); ngành khai khoáng giảm 6,7% (cùng kỳ tăng 10,5%). Một số ngành có chỉ số sản xuất tháng Một tăng cao so với cùng kỳ năm trước (trên 10%) như: sản xuất kim loại tăng 32,9%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 29,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 18,4%; sản xuất đồ uống tăng 12,9%; dệt và sản xuất trang phục cùng tăng 12,8%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 12,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,3%.

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng như sau:

*- Ngành dầu khí:* Sản lượng khai thác dầu thô đạt khoảng 1,09 triệu tấn, bằng 8,8% kế hoạch năm (12,37 triệu tấn), giảm 14,2% so với cùng kỳ năm 2018, gồm: khai thác dầu thô trong nước khoảng 0,92 triệu tấn, bằng 8,8% kế hoạch năm (10,43 triệu tấn); khai thác dầu thô ở nước ngoài khoảng 0,17 triệu tấn, bằng 8,8% kế hoạch năm (1,94 triệu tấn). Sản lượng khí đạt khoảng 0,89 tỷ m3, bằng 9,2% kế hoạch năm (9,69 tỷ m3), giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2018.

*- Ngành than:* sản lượng than đá (than sạch) đạt khoảng 4,1 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2018. Theo báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, sản xuất than nguyên khai trong tháng đạt 3,7 triệu tấn, bằng 9,5 % kế hoạch năm, tăng 15% so với cùng kỳ; than tiêu thụ đạt 3,54 triệu tấn, đạt 8,4 % kế hoạch năm, tăng 25% so với cùng kỳ; than sạch tồn kho đến hết tháng 1/2019 là 3,69 triệu tấn.

*- Ngành điện:* Tập đoàn Điện lực Việt Nam bảo đảm cung cấp điện ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân. Sản lượng điện sản xuất và mua trong tháng đạt 18,1 tỷ kwh, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2018; điện thương phẩm đạt 16,3 tỷ kwh, tăng 9,05% (trong đó: điện cho công nghiệp và xây dựng đạt 9,2 tỷ kwh, tăng 6,27%; điện cho nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 0,53 tỷ kwh, tăng 20,8%; điện cho thương nghiệp và khách sạn đạt 0,88 tỷ kwh, tăng 15,2%; điện cho quản lý và tiêu dùng đạt 5,04 tỷ kwh, tăng 11,47%).

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 1/2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 95,2%; sắt, thép thô tăng 68,6%; bia tăng 47,1%; sơn hóa học tăng 23,6%; sữa tươi tăng 18,9%; thức ăn cho thủy sản tăng 16%; quần áo mặc thường tăng 13,6%; giày, dép da tăng 12,9%; bột ngọt tăng 12%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 1,1%; thép cán tăng 0,7%; phân hỗn hợp NPK giảm 1%; linh kiện điện thoại giảm 2,3%; đường kính giảm 4,6%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 5,3%; điện thoại di động giảm 5,4%; khí hóa lỏng LPG giảm 6,2%; dầu thô khai thác giảm 17,1%.

*c) Khu vực dịch vụ*

Các hoạt động dịch vụ diễn ra sôi động trong dịp Tết Dương lịch và cận Tết Nguyên đán, điển hình là dịch vụ bán buôn bán lẻ, du lịch, vận tải. Các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết.

- Thị trường hàng hóa tháng 01/2019 diễn ra sôi động trong dịp Tết Dương lịch và chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán. Các nhóm hàng được chú trọng chuẩn bị là những mặt hàng thiết yếu, những mặt hàng tiêu dùng nhiều trong dịp Tết. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 402,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2018; nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,4% (cùng kỳ tăng 7,7%).

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ tăng 8,3%), trong đó tăng cao nhất là đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (13,7%); tiếp theo là may mặc (13,4%); lương thực, thực phẩm (13,1%); phương tiện đi lại (11,4%); vật phẩm văn hóa, giáo dục (10,4%),…Nguồn hàng cung cấp cho thị trường Tết năm nay tương đối phong phú, đa dạng, trong đó nhiều mặt hàng Việt Nam được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn.

- Tháng Một là thời điểm thu hút đông đảo khách quốc tế đến Việt Nam. Khách đến từ các thị trường châu Âu, châu Mỹ, châu Úc có xu hướng tăng cao do Việt Kiều về quê ăn Tết, đồng thời là dịp nghỉ đông của các nước châu Âu, châu Mỹ, vì vậy nhu cầu đi du lịch nước ngoài của người dân khá lớn. Các lễ hội mang đậm bản sắc dân tộc diễn ra vào dịp gần Tết Nguyên đán của nước ta thu hút sự quan tâm của khách quốc tế đến từ các thị trường xa. Cùng với đó, các hoạt động quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch đã được đẩy mạnh ngay từ đầu năm, trong đó điển hình là sự kiện Diễn đàn Du lịch ASEAN ATF 2019 tại thành phố Hạ Long, Quảng Ninh với nhiều sự kiện quan trọng, thu hút khách du lịch. Tổng lượng khách quốc tế đến nước ta trong tháng ước đạt trên 1,5 triệu lượt khách, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, khách quốc tế đến nước ta tăng 9,3%, trong đó khách đến từ châu Âu, châu Mỹ, châu Úc tăng mạnh[[11]](#footnote-11) do bà con Việt Kiều về quê ăn Tết, đồng thời ở các nước châu Âu, châu Mỹ đang là kỳ nghỉ đông nên nhu cầu đi du lịch nước ngoài của người dân khá lớn.

- Nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách trong thời điểm gần Tết Nguyên Đán có xu hướng tăng mạnh. Các hãng hàng không Việt Nam tăng cường áp dụng chương trình khuyến mại nhằm kích cầu khách trong nước và quốc tế. Đồng thời các phương tiện vận tải hành khách và hàng hóa được tăng cường để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng ước đạt 144,4 triệu tấn, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ tăng 8,4%); hàng hóa luân chuyển ước đạt 27,4 tỷ tấn.km, tăng 7% (cùng kỳ tăng 6,1%). Số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 408,7 triệu lượt khách, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ tăng 9,4%); hành khách luân chuyển ước đạt 18,1 tỷ lượt hành khách.km, tăng 10,3% (cùng kỳ tăng 9,2%).

*d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

*- Về xuất khẩu*, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 12/2018 đạt 19.635 triệu USD[[12]](#footnote-12), cả năm 2018 thực hiện đạt 243,5 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trong tháng ước đạt 20 tỷ USD, tăng 1,9% so với tháng trước, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2018, khu vực kinh tế trong nước tăng 7,8%. Nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu trong tháng giảm so với cùng kỳ năm trước do mặt hàng điện thoại và linh kiện có kim ngạch giảm, đạt 2,9 tỷ USD, giảm 27,5%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 2,3 tỷ USD, giảm 5%; máy ảnh, máy quay phim đạt 450 triệu USD, giảm 9,1%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản cũng có kim ngạch giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, như: cà phê (giảm 27,2%), hạt tiêu (giảm 32,9%), gạo (giảm 24,8%), hạt điều (giảm 8,7%).

Xét theo một số nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu trong tháng so với cùng kỳ năm 2018: nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt khoảng 16,4 tỷ USD, chiếm 82,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 1,1%; nhóm hàng nông, lâm thủy sản đạt 2,3 tỷ USD, chiếm 11,3%, giảm 6,3%; nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản đạt 361 triệu USD, chiếm 1,8%, tăng 1,8%.

Trong số các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong tháng, xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng hơn 11,8% và chiếm tỷ trọng khoảng 19,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 3,2% và chiếm tỷ trọng hơn 17%; xuất khẩu vào EU giảm khoảng 5% và chiếm tỷ trọng 16,5%; xuất khẩu vào ASEAN giảm 5,2% và chiếm tỷ trọng 10%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 3,8% và chiếm tỷ trọng 8,2%.

*- Về nhập khẩu*, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 12/2018 đạt 20.446 triệu USD[[13]](#footnote-13), cả năm 2018 thực hiện đạt 236,7 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu trong tháng ước đạt 20,8 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,3%; khu vực kinh tế trong nước tăng 9,5%. Kim ngạch nhập khẩu tháng 01/2019 tăng trưởng đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước dịp Tết Nguyên đán cũng như chuẩn bị nguyên phụ liệu cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu ngay sau kỳ nghỉ lễ.

Xét theo nhóm hàng nhập khẩu: nhóm hàng cần nhập khẩu đạt khoảng 18,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 87,5% và tăng 2,3%; nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu đạt khoảng 1,5 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 7,4%, tăng 20,6%.

Nhập khẩu từ Châu Á chiếm khoảng 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (chiếm 29,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, tăng 6%), Hàn Quốc (chiếm 19,5%, giảm 5,8%), ASEAN (chiếm 13,4%, tăng 3,7%), Nhật Bản (chiếm 7,7%, tăng 5%).

*-* *Cân đối xuất nhập khẩu,* cả năm 2018 xuất siêu 6,8 tỷ USD[[14]](#footnote-14), tương đương 2,8% kim ngạch xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,2 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư ngước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32 tỷ USD.

Trong tháng 01/2019, ước tính nhập siêu 800 triệu USD, tương đương khoảng 4% kim ngạch xuất khẩu; trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 2,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,8 tỷ USD.

*đ)* *Về môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp*

Năm 2019, Chính phủ nhất quán tiếp tục ưu tiên tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí cơ hội, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân. Ngay trong ngày đầu năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, mục tiêu nhằm nâng cao thứ hạng của Việt Nam trong các xếp hạng quốc tế của WB, WEF, WIPO, UN về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh... Phấn đấu môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh nước ta thuộc nhóm ASEAN 4.

Trong tháng có 10.079 doanh nghiệp được thành lập mới với số vốn đăng ký đạt 151.117 tỷ đồng, giảm 7% về số doanh nghiệp và tăng 53,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018; tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 15 tỷ đồng, tăng 64,8%; tính cả 3.998 lượt doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn, tổng số vốn đăng ký mới và bổ sung vào nền kinh tế trong tháng đạt gần 635,2 nghìn tỷ đồng, tăng 100,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Bên cạnh đó, trong tháng còn có 8.465 doanh nghiệp trước đây gặp khó khăn phải tạm ngừng hoạt động, nay đã trở lại hoạt động, tăng 84,5% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong tháng 01/2019 của cả nước là 10.804 doanh nghiệp, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2018. Số doanh nghiệp này sau khi kết thúc thời hạn tạm ngừng có thể sẽ quay trở lại tình trạng hoạt động kinh doanh. Trong tháng có 4.767 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Đây là tiêu chí mới được thống kê kể từ tháng 01/2019. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 12.278 doanh nghiệp, trong đó có 7.342 doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo chương trình chuẩn hóa dữ liệu năm 2018 nhằm loại bỏ các doanh nghiệp đã thành lập trước đây nhưng trên thực tế không còn hoạt động. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng là 1.802 doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2018.

**3. Về một số lĩnh vực xã hội**

*a) Về lao động, việc làm*

Tích cực triển khai các biện pháp, chính sách giải quyết việc làm, trong tháng đã giải quyết việc làm cho khoảng 119,4 nghìn người, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2018, gồm: giải quyết việc làm trong nước khoảng 110 ngàn người; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khoảng 9,4 nghìn người.

*b) Về giáo dục & đào tạo và khoa học công nghệ*

Tiếp tục tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ; trong đó tập trung hoàn thiện dự án Luật Giáo dục (sửa đổi); xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Giáo dục đại học để kịp ban hành theo hiệu lực thi hành của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; hoàn thiện dự thảo Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm mở rộng quyền tự chủ cho một số trường đại học; xây dựngĐề án sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm và thành lập một số trường sư phạm trọng điểm, Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học, cơ sở giáo dục - đào tạo.

Thực hiện công bố chương trình giáo dục phổ thông mới[[15]](#footnote-15) với mục tiêu hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục tự chọn, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đối với mỗi môn học, việc lựa chọn, sắp xếp nội dung giáo dục bảo đảm sự tinh giản, gắn với thực tiễn, tạo thuận lợi cho việc thực thi các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Ngày 21/01/2019, Hệ thống một cửa của Cục An toàn Bức xạ và hạt nhân đã hòa chung trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để Doanh nghiệp và Người dân khai thác sử dụng phục vụ cho hoạt động xin cấp phép tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu chất phóng xạ.

Trong khuôn khổ “Chương trình trình diễn công nghệ vệ tinh tiên tiến 1 - Innovative Satellite Technology Demonstration-1” của Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Hàng không Vũ trụ Nhật Bản (JAXA); vào lúc 8h55 phút (giờ Hà Nội) ngày 18/1/2019, vệ tinh MicroDragon của Việt Nam đã tách thành công khỏi tên lửa Epsilon số 4 của Nhật Bản, đi vào quỹ đạo, bắt đầu làm việc trong không gian. Vệ tinh MicroDragon là một sản phẩm nằm trong Hợp phần đào tạo vệ tinh cơ bản, bộ phận của Dự án “Phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát Trái Đất”. Mục tiêu của Hợp phần là xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ trong lĩnh vực công nghệ vệ tinh và vũ trụ thông qua việc cử tuyển 36 cán bộ nghiên cứu và kỹ sư trẻ, gửi đến 5 trường đại học hàng đầu của Nhật Bản để theo học chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ vũ trụ. Sau khi phóng, vệ tinh MicroDragon đã kết nối thành công với trạm mặt đất liên tục trong các ngày từ 18 đến 23/1. Tính đến ngày 23/1/2019, trạm mặt đất đã liên lạc thành công với vệ tinh trong 5 ngày liên tiếp, đã chụp và thu nhận được ảnh phục vụ hiệu chỉnh camera. Các kết quả thu được ban đầu cho thấy vệ tinh ở trạng thái tốt và các chức năng hoạt động bình thường. Việc chế tạo và phóng thành công vệ tinh MicroDragon có ý nghĩa rất lớn, mở ra thời kỳ phát triển cho ngành vũ trụ Việt Nam, làm nền tảng quan trọng để phát triển công nghệ vũ trụ trong tương lai.

*c) Công tác an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Các chương trình, chính sách an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Tính đến ngày 18/1/2019, cả nước có gần 5,7 nghìn hộ thiếu đói, tương ứng với 19,6 nghìn nhân khẩu thiếu đói, trong đó Lạng Sơn hơn 1 nghìn hộ với hơn 3 nghìn nhân khẩu thiếu đói; Sơn La hơn 800 hộ với 3 nghìn nhân khẩu thiếu đói; Yên Bái 726 hộ với 2,5 nghìn nhân khẩu thiếu đói. Theo báo cáo sơ bộ, để khắc phục tình trạng thiếu đói, các cấp, các ngành và địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói khoảng 167 tấn gạo. Với phương châm không để người dân nào bị đói và không có Tết, Chính phủ đã xuất cấp 3,7 nghìn tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương để hỗ trợ nhân dân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019.

Chủ động phòng chống dịch bệnh, đặc biệt các bệnh cúm gia cầm, ho gà, sởi, rubella, tiêu chảy cấp, tay chân miệng, sốt xuất huyết, không để dịch lớn xảy ra. Trong tháng cả nước ghi nhận 4,3 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2018; gần 1,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng, giảm 5,3%; 14 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; không ghi nhận trường hợp nào mắc bệnh thương hàn, viêm màng não do não mô cầu, cúm A (H5N1). Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, mở rộng mạng lưới bệnh viện vệ tinh, liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao kỹ thuật. Quản lý chất lượng, giá thuốc, đẩy mạnh đấu thầu tập trung; triển khai kết nối các cơ sở cung ứng thuốc trên toàn quốc. Đẩy mạnh công tác tiêm chủng mở rộng, đảm bảo trẻ được tiêm sởi đúng lịch, đủ mũi, đạt tỷ lệ tiêm chủng ít nhất 95% quy mô xã, phường.

Công tác quản lý an toàn thực phẩm tiếp tục được chú trọng, mở rộng thực hiện thí điểm mô hình thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm; đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trong tháng xảy ra 04 vụ ngộ độc thực phẩm làm 15 người nhập viện (02 người tử vong); trong đó có 01 vụ do độc tố tự nhiên, 01 vụ do Methanol cao trong rượu, 01 vụ do Cyproheptadine trong Bột ngũ cốc tăng cân M2 và 01 vụ chưa xác định được nguyên nhân gây ngộ độc.

*d) Về văn hóa, thể dục, thể thao*

Các hoạt động văn hóa nghệ thuật, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa được quan tâm triển khai ngay trong tháng đầu năm 2019. Tuyên truyền, cổ động trực quan, tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân gắn với yêu cầu đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan... Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quảng cáo trong dịp Tết Nguyên đán đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Các chương trình văn hóa, văn nghệ được tổ chức, tạo nhiều sân chơi bổ ích tại các khu vui chơi, giải trí, các trung tâm sinh hoạt cộng đồng phục vụ nhân dân với tinh thần vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Xây dựng kế hoạch tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, đội chiếu phim, đội tuyên truyền lưu động đi biểu diễn phục vụ nhân dân, bộ đội, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, nơi biên giới, hải đảo.

Quản lý chặt chẽ hoạt động đăng ký và thông báo tổ chức lễ hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm, đặc biệt là các hành vi lợi dụng di tích, lễ hội, tín ngưỡng để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan, cờ bạc; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm tràn lan gây tốn kém, lãng phí. Phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Định hướng tuyên truyền về giá trị, ý nghĩa giáo dục của lễ hội, di tích; vận động, thuyết phục người dân, du khách thực hiện nếp sống văn minh khi tham gia lễ hội.

Thể dục, thể thao quần chúng tập trung vào triển khai chương trình công tác tổng thể năm 2019, thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục thể thao rộng khắp trên cả nước. Thể thao thành tích cao đạt kết quả ấn tượng, trong đó đội tuyển bóng đá nam quốc gia thi đấu xuất sắc tại giải vô địch bóng đá châu Á 2019 (AFC Asian Cup), vượt qua vòng đấu bảng và lọt vào Top 08 đội mạnh nhất, nhận được nhiều sự quan tâm, cổ vũ của đông đảo các tầng lớp nhân dân và sự chú ý của cộng đồng quốc tế.

*đ) Về thông tin, truyền thông*

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các đài phát thanh truyền hình, các cơ quan thông tấn, báo chí cả nước đã tập trung thông tin đầy đủ về hoạt động đối nội, đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; thông tin cập nhật về công tác tổng kết năm 2018, triển khai nhiệm vụ 2019 của nhiều bộ, ngành và địa phương; diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ[[16]](#footnote-16); bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề dân sinh, nhất là các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước; thông tin kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về phát triển kinh tế vĩ mô, tiếp tục cập nhật diễn biến và phân tích về tình hình thị trường, nhất là thị trường vàng, tài chính, thị trường chứng khoán, các loại hàng hóa có nhu cầu sử dụng cao trong thời gian giáp Tết Nguyên đán 2019; tình hình chống buôn lậu, gian lận thương mại trong bối cảnh Tết Nguyên đán đã cận kề; những quy định có tác động lớn đến xuất nhập khẩu từ tháng 02/2019; Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương CPTPP có hiệu lực với Việt Nam – những cơ hội và thách thức đặt ra đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập; thông tin, diễn biến về cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và những tác động, ảnh hưởng tới kinh tế châu Á nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng…

Về công tác chuẩn bị đón Tết nguyên đán, các cơ quan thông tin, truyền thông trên cả nước tập trung tuyên truyền chỉ đạo của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, các hoạt động chúc Tết, tặng quà của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước nhân dịp xuân mới cho các đối tượng chính sách,...góp phần định hướng dư luận trong các vấn đề “nóng” vào mỗi dịp Tết như lạm dụng rượu bia, an toàn giao thông, quản lý lễ hội, an sinh xã hội.... Bên cạnh các vấn đề dân sinh, trong tháng truyền thông tăng cường phản ánh không khí vui xuân, đón Tết trên mọi vùng miền của đất nước, đặc biệt là không khí đón xuân của đồng bào miền núi, vùng dân tộc thiểu số, chiến sỹ nơi biên giới hải đảo và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài,...

**4.** **Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ**

- Hậu quả do thiên tai: Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là rét đậm, rét hại, mưa lớn và sạt lở đất tại một số địa phương làm 4,5 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng, gần 300 ngôi nhà bị sập đổ, sạt lở và tốc mái, thiệt hại khoảng 17,4 tỷ đồng.

*- Bảo vệ môi trường:* Trong tháng, đã phát hiện 731 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 613 vụ với tổng số tiền phạt hơn 11 tỷ đồng.

*- An toàn giao thông:* Trong tháng 01 (từ 16/12/2018 đến 15/1/2019) trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.527 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 826 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 701 vụ va chạm giao thông, làm 731 người chết; 422 người bị thương và 715 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 13,3% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 7,2%; số vụ va chạm giao thông giảm 19,6%); số người chết giảm 6,3%; số người bị thương giảm 0,9% và số người bị thương nhẹ giảm 22,5%. Bình quân một ngày trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 49 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 27 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 22 vụ va chạm giao thông, làm 24 người chết, 14 người bị thương và 23 người bị thương nhẹ.

Nhìn chung, tình hình tai nạn giao thông trong tháng 1/2019 có giảm so với năm trước, tuy nhiên, lại liên tiếp xẩy ra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, như: Vụ tai nạn giữa xe container và một loạt xe máy xảy ra ngày 2/1 tại Long An làm 4 người chết và 18 người bị thương; vụ tai nạn xe khách xảy ra ngày 6/1 tại Sa Pa, Lào Cai làm 1 người chết và nhiều người bị thương; vụ tai nạn xe khách xảy ra ngày 9/1 trên quốc lộ 1A, đoạn qua Bình Định làm 1 người chết và 5 người bị thương; vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng xảy ra ngày 21/1 tại Hải Dương làm 8 người chết và 8 người bị thương. Trước tình hình tai nạn giao thông nghiêm trọng liên tiếp xảy ra chủ yếu do: (i) lái xe sử dụng rượu bia, chất kích thích, ma túy, có dấu hiệu hoảng loạn khi va chạm dẫn đến tai nạn hàng loạt; (ii) vận hành xe quá tốc độ, chạy xe quá thời gian quy định (03-04 tiếng liên tục); (iii) vừa lái xe, vừa làm việc riêng (ăn uống, sử dụng điện thoại); (iv) nhiều bất cập trong công tác đào tạo lái xe (quản lý đào tạo, sát hạch, cấp phép bằng lái xe), quản lý và đăng kiểm xe cơ giới; Bộ Giao thông Vận tải và các cấp, các ngành cần có những chỉ đạo, giải pháp quyết liệt, kịp thời hơn để ngăn ngừa tai nạn giao thông xảy ra trong thời gian tới.

*- Phòng chống cháy, nổ:* trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 295 vụ cháy, nổ, làm 12 người chết và 15 người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính 78 tỷ đồng.

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC; KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực**

Giai đoạn phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới theo chu kỳ nhờ tác động từ việc nới lỏng chính sách tiền tệ, mở rộng tài khóa, đặc biệt là từ các nền kinh tế chủ chốt, được dự báo có thể sớm kết thúc từ năm 2019. Kinh tế thế giới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức và các yếu tố khó lường như bất ổn địa chính trị; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; chủ nghĩa bảo hộ thương mại, biến động trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng,…

*Kinh tế thế giới năm 2019* được dự báo giảm tốc hoặc nhiều nhất chỉ duy trì được mức tăng như năm 2018. OECD (T11/2018) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 đạt 3,5% trong khi IMF (T10/2018) dự báo đạt 3,7% (giảm 0,2 điểm% so với dự báo đưa ra trước đó). Ngân hàng Thế giới (WB) (01/2019) tiếp tục giảm dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2019 xuống mức 2,9% (sau khi đã điều chỉnh giảm xuống 3% trong báo cáo trước đó). Theo IMF (T10/2018), các nền kinh tế phát triển năm 2019 sẽ có mức tăng trưởng giảm xuống 2% trong năm 2019 (trong đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ: 2,5%; Châu Âu: 1,9%, Nhật Bản: 0,9%, Trung Quốc: 6,2%); trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển giữ được đà tăng trưởng tương đương năm 2018, đạt khoảng 4,7% (trong đó tăng trưởng ASEAN-5: 5,2%).

Những rủi ro chủ yếu đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019, gồm: (i) tác động tiêu cực từ căng thẳng thương mại và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; (ii) tăng trưởng kinh tế bị phân hóa giữa các khu vực kinh tế kém đồng đều hơn; (iii) khu vực mới nổi và đang phát triển đối mặt với các rủi ro về khủng hoảng cơ chế tỷ giá và nguy cơ rút vốn. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, thông minh, sản xuất dịch chuyển dần từ các nước/vùng có lao động kỹ năng thấp và tài nguyên sang nước/vùng có lao động sáng tạo, nắm bắt được công nghệ và thị trường lớn; dẫn tới những bất lợi cho các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

*Tăng trưởng thương mại thế giới năm 2019* được WTO (11/2018) dự báo chỉ đạt 3,7% (giảm so với mức 3,9% so với năm 2018). Nguyên nhân chủ yếu do tác động tiêu cực của căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, nhất là chiến tranh thương mại Mỹ-Trung ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn kể từ tháng 7/2018. Tính đến cuối năm 2018, Mỹ áp thuế 250 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc và đe dọa đánh thuế thêm 267 tỷ USD nữa. Tuy nhiên, sau cuộc gặp[[17]](#footnote-17) tại Hội nghị G20, Mỹ tạm hoãn tăng thuế từ 10% lên 25% đối với 200 tỷ USD hàng Trung Quốc từ ngày 1/1/2019. Theo IMF, nếu chiến tranh thương mại toàn diện xảy ra sẽ làm giá hàng hóa nhập khẩu tăng 10%, tăng trưởng GDP toàn cầu có thể giảm khoảng 0,5% (khoảng 430 tỷ USD). Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung một mặt giúp tạo động lực để các nước tăng cường liên kết về kinh tế nhằm giảm phụ thuộc vào các nền kinh tế lớn; mặt khác tác động phá vỡ các nguyên tắc và trật tự thương mại quốc tế, thúc đẩy dịch chuyển sản xuất và dòng vốn đầu tư, thương mại trên toàn cầu.

*Năm 2019, dự báo giá hàng hóa* không biến động nhiều so với năm 2018 do nhu cầu thế giới ít có khả năng gia tăng đột biến[[18]](#footnote-18). Giá nông sản được dự kiến tăng khoảng 1,6% so với năm 2018, trong đó giá lương thực thực phẩm tăng 1,5% chủ yếu do chi phí đầu vào tăng[[19]](#footnote-19). Giá dầu thế giới năm 2019 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo ít biến động. IMF, OPEC và World Bank đều dự báo giá dầu năm 2019 sẽ duy trì ổn định hoặc tăng nhẹ khoảng 3% so với cuối năm 2018. Giá dầu năm 2019 có thể biến động nhẹ do: (i) cung dầu đá phiến tăng lên khi Mỹ tăng sản lượng; (ii) cầu về xăng dầu có thể giảm xuống khi nền kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu giảm tốc.

Áp lực lạm phát năm 2019 không quá lớn do giá hàng hóa thế giới được dự báo không tăng so với năm 2018. Lạm phát toàn cầu năm 2019[[20]](#footnote-20) được dự báo chỉ ở mức tương đương năm 2018. Theo đó, lạm phát ở các nước phát triển năm 2019 dự báo tăng khoảng 1,9%, thấp hơn so với mức ước 2% năm 2018, chủ yếu do chính sách tiền tệ có xu hướng thắt chặt và tổng cầu tăng không đáng kể. Trong đó, lạm phát được dự báo giảm ở Mỹ, Nhật Bản và giữ nguyên ở Châu Âu. Lạm phát ở các nước mới nổi và đang phát triển có xu hướng tăng nhẹ, dự báo năm 2019 tăng 0,2 điểm% so với năm 2018 do chính sách tiền tệ mở rộng để kích thích kinh tế và sẽ phải chịu nhiều tác động hơn nếu giá năng lượng tăng mạnh.

*Dòng vốn đầu tư toàn cầu năm 2019* dự báo có nhiều biến động, chủ yếu do căng thẳng thương mại leo thang có thể khiến các công ty đa quốc gia trì hoãn hoặc hủy bỏ các kế hoạch đầu tư do môi trường đầu tư thiếu ổn định; việc dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc; luật thuế cải cách của Mỹ tiếp tục phát huy hiệu lực thu hút FDI về Mỹ.

**2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước**

Kinh tế trong nước chuyển biến tích cực, nền tảng vĩ mô được củng cố và môi trường kinh doanh được cải thiện trong những năm gần đây sẽ tiếp tục tạo động lực tăng trưởng trong năm 2019. Khu vực công nghiệp và xây dựng với nòng cốt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục được kỳ vọng là động lực cho tăng trưởng. Tiêu dùng của dân cư sẽ là nhân tố chủ đạo đóng góp cho tăng trưởng kinh tế nhờ du lịch tăng mạnh, cầu tiêu dùng tiếp tục tăng khá. Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có thể khiến cho xu hướng dịch chuyển vốn đầu tư từ Trung Quốc sang các nước khác diễn ra nhanh hơn, tạo cơ hội cho Việt Nam tăng thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là trong những lĩnh vực sản xuất hàng hóa Trung Quốc chịu sự trừng phạt của Mỹ.

Triển vọng hiệp định tự do Việt Nam – EU, hiệp định CPTPP tạo không gian mới và kỳ vọng cho nhà đầu tư nước ngoài. Hiệp định CPTPP đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019. Đây là hiệp định được đánh giá là tiến xa nhất và toàn diện nhất ở thời điểm hiện nay, thể hiện bước tiến mới của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Với Hiệp định CPTPP, Việt Nam được kỳ vọng có cơ hội lớn để mở rộng xuất khẩu, đặc biệt nhờ tác động chuyển hướng thương mại và giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Những mặt hàng như dệt may, da giày, đồ gỗ, thủy sản… của Việt Nam sẽ xuất khẩu được sang được các thị trường mới như Canada, Mexico, Peru với những lợi thế về ưu đãi thuế quan (cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu hoặc hưởng thuế suất 0% cho hàng hóaViệt Nam). Hiệp định CPTPP cũng như các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới khác còn tác động lớn tới nền kinh tế VIệt Nam thông qua việc thúc đẩy cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn công của Nhà nước, từ đó tạo cơ chế thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, việc có quan hệ FTA với các nước CPTPP sẽ giúp cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn, từ đó nâng cao tính độc lập tự chủ của nền kinh tế. Việt Nam cũng có cơ hội tham gia chuỗi cung ứng hình thành sau khi CPTPP có hiệu lực, là điều kiện quan trọng để nâng cao trình độ phát triển nền kinh tế, từ đó có thể tham gia vào các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn.

Trong năm 2019, Chính phủ tiếp tục thực hiện ưu tiên tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm huy động tối đa nguồn lực cho phát triển, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Chính phủ vẫn kiên định với ưu tiên củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, khơi thông các nguồn lực, duy trì thúc đẩy động lực tăng trưởng; quyết liệt thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; nâng cao năng lực nội tại, khả năng chống chịu của nền kinh tế. Kết hợp những yếu tố thuận lợi nêu trên sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2019

*Về thách thức,* kinh tế Việt Nam năm 2019 dự kiến đối mặt với nhiều yếu tố bất định hơn từ môi trường kinh tế thế giới; đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ tác động đến việc chuyển hướng xuất nhập khẩu hàng hóa như: nguy cơ lẩn tránh xuất xứ hàng hóa của một số nước vào Việt Nam; thay đổi chuỗi cung ứng; thay đổi dòng vốn đầu tư. Bên cạnh đó, một số thách thức nội tại của nền kinh tế như: trình độ công nghệ còn thấp, năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa mạnh và chưa thực sự vững chắc; việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, FTA với EU…) đòi hỏi yêu cầu cao hơn và phải thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, cả về thuế quan, mở cửa thị trường, sở hữu trí tuệ… mà không còn được hưởng các ưu đãi đặc thù cho giai đoạn chuyển đổi như trước. Ngân hàng thế giới (WB) đánh giá việc tham gia CPTPP giúp Việt Nam cải thiện đáng kể cả về xuất khẩu và nhập khẩu, nhưng có thể gia tăng nhập siêu. Công cuộc hoàn thiện thể chế, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tuy đã có bước chuyển mạnh mẽ, nhưng còn gặp rất nhiều thách thức lớn trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Cuộc cách mạng khoa học 4.0 buộc các nước đang theo đuổi chiến lược phát triển kinh tế dựa vào xuất khẩu và nguồn vốn đầu tư nước ngoài như nước ta phải có những điều chỉnh trong chính sách phát triển kinh tế.

Tháng 2 có đặc thù là tháng đón Tết âm lịch, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ, du lịch sẽ tăng cao. Mức tăng CPI tháng 1 là 2,56% so với cùng kỳ là mức tăng khá cao, do vậy sức ép lạm phát trong tháng 2 là khá lớn, cần có những giải pháp thận trọng trong điều hành giá cả những mặt hàng, dịch vụ do nhà nước quản lý. Đồng thời, các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, lễ hội để vừa giữ gìn, đề cao các giá trị văn hóa truyền thống, vừa đảm bảo lành mạnh, tiết kiệm, an toàn, văn minh cho người dân.

**3. Đề xuất kiến nghị và giải pháp**

Trên cơ sở đánh giá diễn biến kinh tế thế giới và khu vực, tình hình kinh tế - xã hội trong nước tháng 01/2019 tiếp tục khả quan là bước khởi đầu thuận lợi để nỗ lực, phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đề ra.Trong các tháng tiếp theo, các cấp các ngành cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc, quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp chủ yếu đã đề ra trong các Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ với 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, 45 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và 186 nhiệm vụ chi tiết giao cho các bộ, ngành trung ương và địa phương và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Trong quá trình thực hiện, các bộ, ngành trung ương và địa phương cần chủ động, sáng tạo, kịp thời, linh hoạt, đồng thời bám sát, nắm vững tình hình, tận dụng thời cơ để lựa chọn các nhiệm vụ ưu tiên, cần thiết thực hiện trước, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mình, vì mục tiêu cao nhất là hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đề ra.

Trước mắt, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

(1) Các bộ, ngành trung ương và địa phương chưa ban hành và triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và chưa giao kế hoạch năm 2019 cần khẩn trương:

- Ban hành chương trình hành động triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP của bộ, ngành, địa phương mình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nguyên nhân của sự chậm chễ.

- Giao và tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2019.

(2) Tập trung triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo Tết cho người có công, các đối tượng chính sách, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia đúng đối tượng nhằm bảo đảm an sinh xã hội, không để người dân bị thiếu ăn trong dịp Tết Nguyên đán và thời kỳ giáp hạt;

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là phòng, chống rét đậm, rét hại cho gia súc ở các tỉnh miền núi phía Bắc và các tỉnh bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; hỗ trợ khẩn cấp cho bà con thiệt hại do rét hại và mưa tuyết gây ra; bảo đảm cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm, rau quả thiết yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong và sau Tết Nguyên đán, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tăng cường quản lý thị trường, giá cả; ngăn chặn và xử lý nghiêm theo pháp luật các hoạt động buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng giả, hàng nhái,... trong đó giám sát chặt việc vận chuyển gia súc, gia cầm nhất là tại các cửa khẩu, đường mòn, lối mở khu vực biên giới, không để lợn và sản phẩm thịt lợn từ các vùng đang có Dịch bệnh tả lợn Châu Phi xâm nhập vào Việt Nam;

- Triển khai các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là tại các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, các cơ sở kinh doanh du lịch;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội trong dịp Tết Nguyên đán bảo đảm vui tươi, lành mạnh, phù hợp với thuần phong, mỹ tục; ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội thu lợi bất chính, mê tín dị đoan; quản lý và kiểm soát chất lượng kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch và phương tiện phục vụ khách du lịch.

(3) Thực hiện nghiêm túc Công điện số 1793/CĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Lễ hội Xuân năm 2019. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; thường xuyên kiểm tra, quyết liệt xử lý vi phạm về an toàn giao thông, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người lái xe khi tham gia giao thông; kiểm soát bảo đảm không tăng giá cước vận tải, giá vé tàu, vé xe trong dịp Tết; đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu vận tải hàng hóa, hàng khách trong dịp Tết; xử lý nghiêm các hành vi chèn ép, đầu cơ vé tàu, vé xe; đảm bảo an ninh an toàn cho khách du lịch để không xảy ra các sự cố ảnh hưởng tới ngành du lịch của Việt Nam.

(4) Tăng cường công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Đấu tranh hiệu quả âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động; tập trung phòng, chống các loại tội phạm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và giữ bình yên cho cuộc sống người dân, nhất là vào dịp Tết cổ truyền.

(5) Tuyên truyền, phổ biến, tổ chức triển khai nhanh, hiệu quả các chính sách mới ban hành. Tiếp tục tăng cường thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành quan trọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, tạo không khí phấn khởi mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ./.

aa

**PHỤ LỤC SỐ 1**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**THÁNG 01 NĂM 2019**

| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Tháng 01 năm 2019** | **Tháng 01 năm2019 so với tháng 12/2018 (%)** | **Tháng 01 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP** |  |  |  |  |
| **Gieo cấy lúa đông xuân** | **Nghìn ha** | **1.908,7** |  | **101,3** |
| Trong đó: Miền Bắc | Nghìn ha | 77,5 |  | 122,6 |
| Miền Nam | Nghìn ha | 1.831,2 |  | 100,5 |
| **Gieo trồng các loại cây vụ đông** |  |  |  |  |
| Ngô | Nghìn ha | 156,2 |  | 101,9 |
| Khoai lang | Nghìn ha | 39,7 |  | 96,8 |
| Đậu tương | Nghìn ha | 7,2 |  | 109,1 |
| Lạc | Nghìn ha | 24,7 |  | 92,5 |
| Rau, đậu các loại | Nghìn ha | 356,7 |  | 101,8 |
| **2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP** |  |  |  |  |
| **Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành** | **%** |  | **96,84** | **107,88** |
| Công nghiệp khai khoáng | % |  | 99,47 | 93,31 |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | % |  | 97,14 | 110,11 |
| Sản xuất và phân phối điện | % |  | 91,98 | 108,83 |
| Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải | % |  | 95,99 | 109,37 |
| **Một số sản phẩm chủ yếu** |  |  |  |  |
| Than đá (than sạch) | Nghìn tấn | 4.049,79 | 114,86 | 105,01 |
| Dầu mỏ thô khai thác | Nghìn tấn | 920,00 | 92,28 | 82,88 |
| Khí đốt thiên nhiên dạng khí | Triệu m3 | 890,00 | 104,30 | 94,68 |
| Khí hoá lỏng (LPG) | Nghìn tấn | 80,92 | 47,05 | 93,77 |
| Thuỷ hải sản chế biến | Nghìn tấn | 251,79 | 104,61 | 111,19 |
| Thức ăn cho gia súc | Nghìn tấn | 1.318,86 | 101,8 | 102,21 |
| Thức ăn cho thủy sản | Nghìn tấn | 519,51 | 98,8 | 116,02 |
| Vải dệt từ sợi tự nhiên | Triệu m2 | 42,21 | 92,0 | 101,07 |
| Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo | Triệu m2 | 78,23 | 103,8 | 111,17 |
| Quần áo mặc thường | Triệu cái | 437,32 | 99,9 | 113,60 |
| Giày, dép da | Triệu đôi | 23,46 | 103,1 | 112,89 |
| Phân U rê | Nghìn tấn | 184,67 | 86,04 | 107,97 |
| Phân hỗn hợp N.P.K | Nghìn tấn | 256,75 | 89,2 | 99,02 |
| Xi măng | Triệu Tấn | 7,83 | 98,4 | 105,88 |
| Sắt, thép thô | Nghìn tấn | 1.775,46 | 98,8 | 168,61 |
| Thép cán | Nghìn tấn | 501,66 | 96,7 | 100,66 |
| Thép thanh, thép góc | Nghìn tấn | 567,44 | 105,2 | 104,16 |
| Điện thoại di động | Triệu cái | 17,20 | 88,77 | 94,60 |
| Tivi | Nghìn cái | 1.127,95 | 104,39 | 111,87 |
| Ô tô | Nghìn chiếc | 23,59 | 106,64 | 109,77 |
| Xe máy | Nghìn chiếc | 345,17 | 99,53 | 109,98 |
| Điện sản xuất | Tỷ Kwh | 17,75 | 98,91 | 108,70 |
| **3. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, VÀNG VÀ TỶ GIÁ NGOẠI TỆ** |  |  |  |  |
| **Chỉ số giá tiêu dùng** | **%** |  | **100,10** | **102,56** |
| Hàng ăn và dịch vụ ăn uống | % |  | 100,66 | 105,32 |
| Trong đó: Lương thực | % |  | 100,52 | 102,06 |
| Thực phẩm | % |  | 100,85 | 106,63 |
| Ăn uống ngoài gia đình | % |  | 100,28 | 103,72 |
| Đồ uống và thuốc lá | % |  | 100,69 | 101,90 |
| May mặc, giày dép và mũ nón | % |  | 100,39 | 101,73 |
| Nhà ở và vật liệu xây dựng | % |  | 100,35 | 100,94 |
| Thiết bị và đồ dùng gia đình | % |  | 100,16 | 101,35 |
| Thuốc và dịch vụ y tế | % |  | 100,01 | 101,80 |
| *Trong đó: dịch vụ y tế* |  |  | 100,00 | 101,91 |
| Giao thông | % |  | 96,96 | 96,05 |
| Bưu chính viễn thông | % |  | 99,91 | 99,20 |
| Giáo dục | % |  | 100,15 | 106,65 |
| *Trong đó: dịch vụ giáo dục* |  |  | 100,15 | 107,53 |
| Văn hóa, giải trí và du lịch | % |  | 100,33 | 101,98 |
| Hàng hóa và dịch vụ khác | % |  | 100,34 | 102,34 |
| **Chỉ số giá vàng** | **%** |  | **102,25** | **100,13** |
| **Chỉ số giá đô la Mỹ** | **%** |  | **99,60** | **102,32** |
| **Lạm phát cơ bản** | **%** |  | **0,30** | **1,83** |
| **4. THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |  |  |  |  |
| **Tổng thu cân đối NSNN** | **Nghìn tỷ đồng** | **144,6** |  | **107,5** |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| - Thu nội địa (không kể dầu thô) | Nghìn tỷ đồng | 120,5 |  | 105,3 |
| - Thu từ dầu thô | Nghìn tỷ đồng | 4,5 |  | 105,7 |
| - Thu cân đối ngân sách từ hoạt động XNK | Nghìn tỷ đồng | 28,5 |  | 113,2 |
| **Tổng chi cân đối NSNN** | **Nghìn tỷ đồng** | **92,9** |  |  |
| **5. ĐẦU TƯ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI** |  |  |  |  |
| **Vốn đầu tư thực hiện** | **Triệu USD** | 1.550 |  | 109,2% |
| **Cấp mới và tăng vốn** | **Triệu USD** |  |  |  |
| Vốn đăng ký cấp mới | Triệu USD | 805 |  | 181,9% |
| *Số dự án cấp mới* | *Dự án* | 226 |  | *136,1%* |
| Vốn tăng thêm | Triệu USD | 340,27 |  | 74,5% |
| *Số lượt dự án tăng vốn* | *Lượt dự án* | 72 |  | *118,0%* |
| **Góp vốn mua cổ phần** | **Triệu USD** | 761,88 |  | 214,0% |
| **6. XUẤT NHẬP KHẨU** |  |  |  |  |
| **Tổng trị giá xuất khẩu** | **Triệu USD** | 20.000 |  | 98,66 |
| Khu vực kinh tế trong nước | Triệu USD | 6.420 |  | 107,76 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) | Triệu USD | 13.580 |  | 94,87 |
| **Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:** |  |  |  |  |
| Thủy sản | Triệu USD | 700 |  | 105,16 |
| Rau quả | Triệu USD | 380 |  | 99,40 |
| Hạt điều | Triệu USD | 285,72 |  | 91,28 |
| Cà phê | Triệu USD | 305,48 |  | 72,79 |
| Chè | Triệu USD | 16,85 |  | 100,12 |
| Hạt tiêu | Triệu USD | 45,7 |  | 67,07 |
| Gạo | Triệu USD | 179,65 |  | 75,23 |
| Sắn và sản phẩm của sắn | Triệu USD | 123,85 |  | 101,19 |
| Than đá | Triệu USD | 18,82 |  | 82,71 |
| Dầu thô | Triệu USD | 180 |  | 87,62 |
| Xăng dầu | Triệu USD | 137,46 |  | 80,56 |
| Hóa chất | Triệu USD | 220 |  | 154,31 |
| Sản phẩm hóa chất | Triệu USD | 100 |  | 110,97 |
| Sản phẩm từ chất dẻo | Triệu USD | 280 |  | 112,18 |
| Cao su | Triệu USD | 219,62 |  | 110,80 |
| Túi xách, ví, va li, mũ, ô dù | Triệu USD | 300 |  | 101,29 |
| Sản phẩm mây tre, cói, thảm | Triệu USD | 45 |  | 137,07 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | Triệu USD | 900 |  | 114,30 |
| Dệt, may | Triệu USD | 2.650 |  | 106,68 |
| Giày dép | Triệu USD | 1.600 |  | 112,82 |
| Sản phẩm gốm sứ | Triệu USD | 55 |  | 106,83 |
| Đá quý, kim loại quý và sản phẩm | Triệu USD | 50 |  | 97,71 |
| Sắt thép | Triệu USD | 405,41 |  | 127,09 |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | Triệu USD | 2.250 |  | 94,96 |
| Điện thoại các loại và linh kiện | Triệu USD | 2.850 |  | 72,47 |
| Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện | Triệu USD | 450 |  | 90,86 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | Triệu USD | 1.400 |  | 115,16 |
| Dây điện và cáp điện | Triệu USD | 130 |  | 83,88 |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng | Triệu USD | 800 |  | 104,93 |
| **Tổng trị giá nhập khẩu** | **Triệu USD** | 20.800 |  | 103,13 |
| *Khu vực kinh tế trong nước* | *Triệu USD* | 9.050 |  | 109,49 |
| *Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài* | *Triệu USD* | 11.750 |  | 98,71 |
| **Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:** |  |  |  |  |
| Thủy sản | Triệu USD | 180 |  | 103,83 |
| Sữa và sản phẩm sữa | Triệu USD | 85 |  | 103,49 |
| Rau quả | Triệu USD | 170 |  | 107,14 |
| Lúa mỳ | Triệu USD | 110 |  | 68,80 |
| Dầu mỡ động thực vật | Triệu USD | 70 |  | 97,03 |
| Thức ăn gia súc và NPL | Triệu USD | 350 |  | 104,06 |
| Xăng dầu | Triệu USD | 259,71 |  | 34,63 |
| Khí đốt hóa lỏng | Triệu USD | 42,99 |  | 43,18 |
| Sản phẩm khác từ dầu mỏ | Triệu USD | 100 |  | 114,77 |
| Hóa chất | Triệu USD | 450 |  | 105,26 |
| Sản phẩm hoá chất | Triệu USD | 450 |  | 104,38 |
| Tân dược | Triệu USD | 260 |  | 105,44 |
| Phân bón | Triệu USD | 135,99 |  | 174,62 |
| Thuốc trừ sâu | Triệu USD | 100 |  | 134,86 |
| Chất dẻo | Triệu USD | 780,17 |  | 100,30 |
| Sản phẩm chất dẻo | Triệu USD | 540 |  | 104,86 |
| Cao su | Triệu USD | 122,32 |  | 117,26 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | Triệu USD | 240 |  | 113,67 |
| Giấy các loại | Triệu USD | 190 |  | 112,74 |
| Bông | Triệu USD | 283,35 |  | 112,27 |
| Sợi dệt | Triệu USD | 220 |  | 111,52 |
| Vải | Triệu USD | 1.100 |  | 105,83 |
| Nguyên PL dệt, may, giày dép | Triệu USD | 460 |  | 104,65 |
| Sắt thép | Triệu USD | 787,61 |  | 96,83 |
| Kim loại thường khác | Triệu USD | 556,81 |  | 93,13 |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | Triệu USD | 3.700 |  | 100,12 |
| Điện thoại các loại và linh kiện | Triệu USD | 1.400 |  | 87,96 |
| Máy móc, thiết bị, phụ tùng | Triệu USD | 3.000 |  | 103,79 |
| Ô tô | Triệu USD | 597,93 |  | 218,87 |
| *Trong đó: Nguyên chiếc* |  | 247,93 |  | 1.363,29 |
| Xe máy và linh kiện, phụ tùng | Triệu USD | 75 |  | 153,73 |
| Phương tiện vận tải khác và PT | Triệu USD | 85 |  | 174,23 |
| **Chênh lệch xuất nhập khẩu (xuất-nhập)** | **Triệu USD** | (800,00) |  |  |
| *Tỷ lệ nhập siêu (% kim ngạch xuất khẩu)* | *%* | *4%* |  |  |
| **7. TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ** | **Nghìn tỷ đồng** | 402,23 |  | 112,2 |
| *Phân theo ngành hoạt động* |  |  |  |  |
| Bán lẻ hàng hóa | Nghìn tỷ đồng | 305,37 |  | 113,1 |
| Dịch vụ lưu trú ăn uống | Nghìn tỷ đồng | 49,50 |  | 111,53 |
| Du lịch lữ hành | Nghìn tỷ đồng | 4,33 |  | 107,91 |
| Dịch vụ khác | Nghìn tỷ đồng | 43,03 |  | 107,43 |
| **8. VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA** |  |  |  |  |
| **Vận tải hành khách** |  |  |  |  |
| Khối lượng vận chuyển | Triệu HK | 408,74 | 101,45 | 110,07 |
| Khối lượng luân chuyển | Tỷ HK.km | 18,06 | 102,99 | 110,28 |
| **Vận tải hàng hóa** |  |  |  |  |
| Khối lượng vận chuyển | Triệu tấn | 144,37 | 100,92 | 109,11 |
| Khối lượng luân chuyển | Tỷ tấn.km | 27,40 | 100,96 | 107,03 |

**PHỤ LỤC SỐ 2**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP   
NGÀY 01/01/2019 CỦA CHÍNH PHỦ**

| **TT** | **Tên cơ quan** | **Số, ký hiệu văn bản** | **Ngày ban hành** | **Trích yếu nội dung** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ** | | | |
|  | Bộ Quốc phòng | 991/CTr-BQP | 24/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
|  | Bộ Công an | 21/KH-BCA-V01 | 24/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trong Công an nhân dân |
|  | Bộ Tư pháp | 80/QĐ-BTP | 15/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 01/CT-BKHĐT | 10/01/2019 | Chỉ thị của Bộ trưởng về việc triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
|  | Bộ Tài chính | 89/QĐ-BTC | 08/01/2019 | Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của Bộ Tài chính |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01/QĐ-BNN-KH | 02/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP |
|  | Bộ Công thương | 08/QĐ-BCT | 04/01/2019 | Ban hành chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
|  | Bộ Giao thông vận tải | 123/QĐ-BGTVT | 18/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giao thông Vận tải thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
|  | Bộ Xây dựng | 41/QĐ-BXD | 18/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
|  | Bộ Thông tin và Truyền thông | 03/CT-BTTTT | 10/01/2019 | Định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2019 |
|  | Bộ Khoa học và Công nghệ | 16/QĐ-BKHCN | 10/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 68/QĐ-BGĐĐT | 11/01/2019 | Ban hành Kế hoạch nhiệm vụ năm 2019 |
|  | Bộ Y tế | 74/QĐ-BYT | 08/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 115/QĐ-BVHTTDL | 10/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Bộ Nội vụ | 01/QĐ-BNV | 01/01/2019 | Ban hành Chương trình công tác của Bộ Nội vụ năm 2019 để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 98/QĐ-LĐTBXH | 21/01/2019 | Ban hành chương trình công tác năm 2019 lĩnh vực Lao động - Người có công và Xã hội |
|  | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 12/QĐ-BTNMT | 02/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019 |
|  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 01/CT-NHNN | 08/01/2019 | Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2019 |
|  | Ủy ban dân tộc | 22/QĐ-UBDT | 18/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ |
|  | Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh | 47/BQLL-VP | 21/01/2019 | Triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ |
|  | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | 110/QĐ-BHXH | 18/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
|  | Thanh tra Chính phủ | 78/QĐ-TTCP | 30/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP |
| **II** | **Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** | | | |
| 1 | Hà Giang | 09/CTr-UBND | 09/01/2019 | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 2 | Tuyên Quang | 02/KH-UBND | 08/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 3 | Cao Bằng | 31/QĐ-UBND | 09/01/2019 | Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 4 | Lạng Sơn | 108/QĐ-UBND | 15/01/2019 | Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019 |
| 5 | Lào Cai | 16/CT-UBND | 19/12/2018 | Về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2019 |
| 6 | Yên Bái | 01/CTr-UBND | 15/01/2019 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 7 | Thái Nguyên | 06/KH-UBND | 16/01/2019 | Kế hoạch phân công, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 8 | Bắc Kạn | 66/QĐ-UBND | 16/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng năm 2019 |
| 9 | Phú Thọ | 277/CTr-UBND | 18/01/2019 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 10 | Bắc Giang | 10/KH-UBND | 18/01/2019 | Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 11 | Hòa Bình | 01/QĐ-UBND | 02/01/2019 | Ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 12 | Sơn La | 150/QĐ-UBND | 17/01/2019 | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 13 | Lai Châu | 85/KH-UBND | 21/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2019 |
| 14 | Điện Biên | 44/QĐ-UBND | 15/01/2019 | Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2019 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ |
| 15 | Hà Nội | 12/CTr-UBND | 12/01/2019 | Chương trình hành động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019 |
| 16 | Hải Phòng | 01/CT-UBND | 04/01/2019 | Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 17 | Quảng Ninh | 10/CTr-UBND | 10/01/2019 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 18 | Bắc Ninh | 01/CT-UBND | 04/01/2019 | Chỉ thị về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 |
| 19 | Nam Định | 09/KH-UBND | 14/01/2019 | Kế hoạch về nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước 2019 |
| 20 | Thanh Hóa | 01/QĐ-UBND | 02/01/2019 | Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN năm 2019. |
| 21 | Nghệ An | 96/QĐ-UBND | 10/01/2019 | Về việc ban hành nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An năm 2019 |
| 22 | Hà Tĩnh | 11/CTr-UBND | 15/01/2019 | Chương trình triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 |
| 23 | Quảng Bình | 37/KH-UBND | 10/01/2019 | Kế hoạch Hành động về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 24 | Quảng Trị | 192/QĐ-UBND | 24/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng năm 2019 |
| 25 | Thừa Thiên Huế | 01/QĐ-UBND | 01/01/2019 | Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 |
| 26 | Đà Nẵng | 334/QĐ-UBND | 21/01/2019 | Về một số chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2019 |
| 27 | Quảng Nam | 03/CT-UBND | 16/01/2019 | Về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam |
| 28 | Quảng Ngãi | 15/QĐ-UBND | 08/01/2019 | Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán ngân sách năm 2019 |
| 29 | Bình Định | 71/QĐ-UBND | 09/01/2019 | Về việc ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 30 | Ninh Thuận | 02/QĐ-UBND | 05/01/2019 | Về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và Chương trình công tác của tỉnh Ninh Thuận năm 2019 |
| 31 | Bình Thuận | 86/QĐ-UBND | 10/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 32 | Gia Lai | 56/QĐ-UBND | 21/01/2019 | Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. |
| 33 | Kon Tum | 32/QĐ-UBND | 10/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 34 | Lâm Đồng | 365/CTr-UBND | 18/01/2019 | Về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 35 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6069/QĐ-UBND | 28/12/2018 | Về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2019 |
| 36 | Bình Dương | 296/KH-UBND | 18/01/2019 | Triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 37 | Tây Ninh | 01/QĐ-UBND | 02/01/2019 | Về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và Chương trình công tác của tỉnh Tây Ninh năm 2019 |
| 38 | Bà Rịa – Vũng Tàu | 91/QĐ-UBND | 17/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 |
| 39 | Long An | 177/QĐ-UBND | 14/01/2019 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (có Chương trình hành động kèm theo) |
| 40 | Tiền Giang | 21/KH-UBND | 18/01/2019 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 41 | Bến Tre | 321/KH-UBND | 18/01/2019 | Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. |
| 42 | Trà Vinh | 20/QĐ-UBND | 07/01/2019 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2019 |
| 43 | Vĩnh Long | 207/QĐ-UBND | 18/01/2019 | Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Vĩnh Long năm 2019 |
| 44 | Cần Thơ | 19/KH-UBND | 18/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy và Hội đồng nhân dân TP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 45 | Hậu Giang | 136/KH-UBND | 18/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 46 | Sóc Trăng | 01/CTr-UBND | 18/01/2019 | Chương trình thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND về giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 |
| 47 | Đồng Tháp | 07/QĐ-UBND | 03/01/2019 | Những nhiệm vụ chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và ngân sách năm 2019 |
| 48 | Cà Mau | 03/KH-UBND | 08/01/2019 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ; NQ số 09/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019 |

1. Gồm: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Thanh tra Chính phủ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Có 15 địa phương chưa có quyết định chính thức, gồm: Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai, Bình Phước, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,35% do giá gas trong tháng tăng 1,36%, giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 0,3% và giá bảo dưỡng phương tiện tăng 0,61%.; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,33%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; giáo dục tăng 0,15%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,34%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Chủ yếu do mặt hàng rượu mạnh tăng 0,88%; bia chai, bia lon tăng 0,49%; thuốc lá tăng 0,83%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Chủ yếu do giá gạo tăng 0,53%; giá miến tăng 0,49%; giá bún khô, mỳ ăn liền, phở ăn liền tăng 0,34%. [↑](#footnote-ref-5)
6. Giá thịt lợn tăng 0,42%; giá thịt gia cầm tươi sống tăng 1,01%; giá thủy sản tươi sống tăng 1,1%; trứng gia cầm tăng 0,23%; quả tươi tăng 1,77% và rau tươi tăng 2,51%. [↑](#footnote-ref-6)
7. Tác động làm CPI chung giảm 0,29%. [↑](#footnote-ref-7)
8. Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,5-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6-7,3%/năm. *Lãi suất cho vay VND* phổ biến ở mức khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn. *Lãi suất huy động USD* ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và dân cư; Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm. [↑](#footnote-ref-8)
9. Một số dự án lớn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong tháng 01/2019, gồm: Dự án Công ty trách nhiệm hữu hạn kyoshin (Việt Nam) của Nhật Bản từ năm 1995 với mục tiêu sản xuất, gia công và xuất khẩu các linh kiện đồ điện, khuôn mẫu; điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 134,7 triệu USD; Dự án Katolec Global Logistics Việt Nam, tổng vốn đầu tư 65 triệu USD do Katolec Corporation (Nhật Bản) đầu tư với mục tiêu kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại Hà Nam; Dự án nhà máy Sews-Components Việt Nam II, với tổng vốn đầu tư đăng ký 64,89 triệu USD do nhà đầu tư Nhật Bản đầu tư tại Hưng yên với mục tiêu xây dựng nhà máy sản xuất các linh kiện điện và điện tử cho ô tô và mô tô; sản xuất trụ nối dây điện cho ô tô và mô tô; Dự án nhà máy sản xuất hoá chất dệt nhuộm Huanyu, tổng vốn đầu tư đăng ký 60 triệu USD do nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư tại Tây Ninh với mục tiêu sản xuất chất dệt nhuộm; Dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Phú Sơn, do nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư với mục tiêu xử lý, tiêu thủy rác thải tại Thừa Thiên Huế. [↑](#footnote-ref-9)
10. Từ tháng 1/2018, chỉ số sản xuất công nghiệp được tính toán và công bố theo năm gốc so sánh 2015. [↑](#footnote-ref-10)
11. Khách đến từ châu Âu tăng 36,2% so với tháng trước; từ châu Mỹ tăng 44%; từ châu Úc tăng 62,2%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2018 ước tính là 21 tỷ USD, cả năm 2018 ước tính đạt 244,74 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-12)
13. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2018 ước tính là 21,2 tỷ USD, cả năm ước tính đạt 237,524 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ước tính năm 2018 xuất siêu 7,2 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-14)
15. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông [↑](#footnote-ref-15)
16. Nhất là nội dung Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cuộc gặp giữa Ông Trump và Ông Tập Cận Bình [↑](#footnote-ref-17)
18. Theo dự báo của IMF (T10/2018) [↑](#footnote-ref-18)
19. Theo Worldbank (T10/2018) [↑](#footnote-ref-19)
20. Theo IMF (T10/2018) [↑](#footnote-ref-20)